

Số: 242/2017/QĐST-HNGĐ

*Châu Đức, ngày 21 tháng 9 năm 2017*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 215/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Tổ 9, thôn Q, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ 9, thôn Q, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 9 năm 2017.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 9 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phan Thị T và anh Lê Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T và anh Lê Văn T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Phan Thị T và anh Lê Văn T có 01 người con chung là cháu Lê Hoàng Phong V, sinh ngày 01-01-2014. Chị Phan Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Hoàng Phong V. Anh Lê Văn T đồng ý cấp dưỡng số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/01 tháng để chị T nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng Phong V, thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Anh Lê Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị T và anh Lê Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Phan Thị T đồng ý nộp tiền án phí đối với yêu cầu xin ly hôn là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số 0005204 ngày 08-6-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức. Anh Lê Văn T đồng ý nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Hoàn trả lại cho chị Phan Thị T số tiền tạm ứng án phí là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai số 0005204 ngày 08-6-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức. Chị Phan Thị T đã nộp xong tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

**Nơi nhận:**

- TA. tỉnh;
- VKSND H.Châu Đức;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Đức;
- Các đương sự
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trần Thanh Túy**